



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN THUẾ - ATAX
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN

Trụ sở chính: Lô A92 đường 30 tháng 4, Đà Nẵng
Tel: 05113. 639 639 * Fax: 05113. 639 638
Email: atax@vnn.vn
Website: www.atax.vn

VPDD: Lầu 4, Indochina Park Tower
4 Nguyễn Đình Chiểu, Q1, Tp. HCM
Tel: 08.62556668 * Fax: 08.22200823
Email: atax_hcm@vnn.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP HÒA CÀM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP HÒA CẨM

Địa chỉ: Số 176 đường 3 tháng 2, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Hòa Cẩm đệ trình báo cáo này cùng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị:

Ông Lê Xuân Vũ	Chủ tịch
Ông Mai Văn Minh	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Quốc Thắng	Thành viên
Ông Lê Hồng Nhu	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Long	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Ngô Giang Nam	Giám đốc
Ông Đinh Duy Chính	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp cho rằng Công ty sẽ không thể tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Ngô Giang Nam

Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 01 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B01-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		216.078.397.711	203.836.754.276
I. Nợ ngắn hạn	310		25.516.808.906	20.842.076.397
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	14.931.837.860	18.950.412.463
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		74.058.228	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	1.086.356.424	703.670.570
4. Phải trả người lao động	314		609.076.357	455.887.286
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	640.626.841	777.694.775
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	8.283.247.148	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(108.393.952)	(45.588.697)
II. Nợ dài hạn	330		190.561.588.805	182.994.677.879
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.11	190.561.588.805	182.994.677.879
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		53.576.476.884	57.285.115.207
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	53.576.476.884	57.285.115.207
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(60.000.000)	(60.000.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	1.321.369.867
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.636.476.884	6.023.745.340
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.636.476.884	6.023.745.340
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		269.654.874.595	261.121.869.483

Nguyễn Ngọc Tấn Huy
Người lập biểu

Nguyễn Văn Long
Kế toán trưởng

Ngô Giang Nam
Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 07/01/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B01-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		216.078.397.711	203.836.754.276
I. Nợ ngắn hạn	310		25.516.808.906	20.842.076.397
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	14.931.837.860	18.950.412.463
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		74.058.228	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	1.086.356.424	703.670.570
4. Phải trả người lao động	314		609.076.357	455.887.286
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	640.626.841	777.694.775
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	8.283.247.148	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(108.393.952)	(45.588.697)
II. Nợ dài hạn	330		190.561.588.805	182.994.677.879
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.11	190.561.588.805	182.994.677.879
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		53.576.476.884	57.285.115.207
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	53.576.476.884	57.285.115.207
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(60.000.000)	(60.000.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	1.321.369.867
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.636.476.884	6.023.745.340
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.636.476.884	6.023.745.340
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		269.654.874.595	261.121.869.483

Nguyễn Ngọc Tấn Huy
Người lập biểu

Nguyễn Văn Long
Kế toán trưởng

Ngô Giang Nam
Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 07/01/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

MẪU B02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	19.749.668.311	17.963.724.274
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.403.559.753	1.916.796.211
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		18.346.108.558	16.046.928.063
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	7.821.396.257	7.689.529.286
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		10.524.712.301	8.357.398.777
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.341.647.686	2.525.235.101
7. Chi phí tài chính	22		61.630.312	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		61.630.312	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	658.286.736	440.925.547
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	6.311.594.538	3.032.165.549
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (24+25)}	30		5.834.848.401	7.409.542.782
11. Thu nhập khác	31	VI.5	1.163.963.414	1.173
12. Chi phí khác	32	VI.6	91.438.172	10.380.311
13. Lợi nhuận/ (Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		1.072.525.242	(10.379.138)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.907.373.643	7.399.163.644
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	872.915.024	749.852.462
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		6.034.458.619	6.649.311.182
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.207	1.205

Nguyễn Ngọc Tấn Huy
Người lập biểu

Nguyễn Văn Long
Kế toán trưởng

Ngô Giang Nam
Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 07/01/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2016

Mẫu B03-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.907.373.643	7.399.163.644
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		5.015.608.325	5.196.599.742
- Các khoản dự phòng	03		-	(1.172.188.273)
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.341.647.686)	(2.525.235.101)
- Chi phí lãi vay	06		61.630.312	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.642.964.594	8.898.340.012
- (Tăng)/ giảm các khoản phải thu	9		(21.522.621.427)	15.833.021.124
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		2.102.001.337	22.081.528.978
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1.379.237.238	(16.289.470.348)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(552.341.623)	(617.099.266)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		505.850.000	93.170.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(783.376.250)	(338.581.581)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.228.286.131)	29.660.908.919
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.267.699.765)	(8.619.576.633)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(71.000.000.000)	(71.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		56.000.000.000	64.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.861.572.686	1.599.310.101
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(23.406.127.079)	(14.020.266.532)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu đi vay	33		18.143.081.951	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(9.859.834.803)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.467.670.000)	(5.478.990.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(184.422.852)	(5.478.990.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(32.818.836.062)	10.161.652.387
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		40.090.565.534	29.928.913.147
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70		7.271.729.472	40.090.565.534

Nguyễn Ngọc Tấn Huy
Người lập biểu

Nguyễn Văn Long
Kế toán trưởng

Ngô Giang Nam
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 07/01/2017